ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 84/KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 12 tháng 3 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh năm 2026

Thực hiện Công văn số 1097/BYT-CDS ngày 14/02/2026 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công tác dân số năm 2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh năm 2026 như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Phấn đấu duy trì mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, chú trọng giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, nâng cao chất lượng dân số và đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

- Tỷ suất sinh thô (CBR): tăng 0,05‰ so với năm 2025.

- Giảm tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh: 0,2 điểm % so với năm 2025.

- Tỷ lệ sàng lọc trước sinh: 58%.

- Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh: 58%.

- Số người mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại trong năm: 52.300 người.

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: 61%.

- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm: 98%.

(Chi tiết theo phụ lục 01 và phụ lục 02).

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

1. Công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch, Đề án của tỉnh[1]. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền trong thực hiện công tác

[1] Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030; Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp với các vùng, đối tượng đến năm 2030; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 25/5/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình truyền thông dân số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030; Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 14/11/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa đình giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Kế hoạch số 51-KH/TU ngày

dân số. Tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây gọi là Nghị quyết số 21-NQ/TW); Luật Dân số ngày 10/12/2025; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 15/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện công tác dân số trong tình hình mới; Kết luận số 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW.

2. Hoàn thiện chính sách, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

- Xây dựng các chính sách về Dân số thực hiện Luật Dân số số ngày 10/12/2025.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.[2]

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2026 - 2035 (sau khi có hướng dẫn của Bộ Y tế).

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông dân số đến năm 2030 (sau khi có hướng dẫn của Bộ Y tế).

3. Công tác phối hợp liên ngành

Sở Y tế là cơ quan thường trực, tham mưu Ban Chỉ đạo Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) triển khai các hoạt động phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể trong thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm về công tác dân số năm 2026, gồm: truyền thông, giáo dục; thống kê, tổng hợp; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân số. Đồng thời tham mưu đưa các chỉ tiêu về công tác dân số và lồng ghép nội dung truyền thông về dân số và phát triển phù hợp với đặc thù của từng cơ quan, đơn vị, góp phần tạo sự đồng thuận của các sở, ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện chính sách dân số.

4. Công tác tổ chức, đào tạo cán bộ dân số các cấp

Tiếp tục nghiên cứu, kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy làm công tác dân số các cấp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính. Triển khai đội ngũ cộng tác viên dân số kiêm nhiệm công tác gia đình và trẻ em, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời khuyến khích sự tham gia tích cực, tự nguyện của cộng đồng trong thực hiện công tác dân số.

Tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác dân số các cấp trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác đào tạo,

---

26/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Kế hoạch số 247-KH/TU, ngày 23/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 09/3/2020 của UBND tỉnh về kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2021–2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

[2] Thực hiện Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030".

tập huấn nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác dân số; đồng thời bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cộng tác viên dân số, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Triển khai các hoạt động thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

5.1. Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng

Tăng cường phổ biến, tuyên truyền, cung cấp thông tin pháp luật của Nhà nước về duy trì mức sinh thay thế; đồng thời tuyên truyền quy định không xem xét xử lý đối với trường hợp sinh con thứ ba trở lên theo Hướng dẫn số 15-HD/UBKTTW, ngày 20/3/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW, ngày 22/11/2022 về thực hiện một số điều trong Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

Đẩy mạnh vận động mỗi cặp vợ chồng, cá nhân sinh con và nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

Bảo đảm cung cấp PTTT miễn phí cho người dân có nhu cầu sử dụng đang cư trú trên địa bàn; bao gồm các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, người đơn thân, vị thành niên, thanh niên và người tạm trú là cán bộ, công nhân, người lao động tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Dự kiến nguồn PTTT cấp miễn phí theo quy định gồm:

+ Nguồn PTTT do Trung ương cấp: Số dụng cụ tử cung (DCTC) do Trung ương cấp trước đây được nhà cung cấp đổi trả do hàng bị xỉn màu sẽ được cấp cho địa phương sau khi hàng được nhập về kho Trung ương (dự kiến tháng 7/2026 hàng về đến kho Trung ương). Sau khi tỉnh tiếp nhận hàng từ Trung ương, sẽ thực hiện phân bổ cho các địa phương theo nhu cầu.

+ Nguồn PTTT từ ngân sách địa phương: Đề nghị các xã, phường chủ động rà soát đối tượng và nhu cầu sử dụng; tổ chức mua sắm các loại PTTT khác (thuốc cấy tránh thai, thuốc tiêm tránh thai, viên uống tránh thai, bao cao su) để cấp cho các đối tượng theo Chương trình điều chỉnh mức sinh.

+ Đối với thuốc cấy tránh thai: Thực hiện mua sắm theo hình thức đàm phán giá quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

+ Các PTTT khác (thuốc tiêm tránh thai, viên uống tránh thai, bao cao su), các xã, phường chủ động thực hiện mua sắm theo quy định của Luật Đấu thầu.

Tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số phù hợp với thực trạng mức sinh của địa phương. Tăng cường cung cấp thông tin, tuyên truyền, giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên.

Triển khai các hoạt động can thiệp phòng, tránh vô sinh tại cộng đồng; tiếp tục đẩy mạnh tư vấn, tuyên truyền kiến thức và kỹ năng dự phòng vô sinh cho vị thành niên, thanh niên.

Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế, cán bộ dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản và người cung cấp dịch vụ.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ đối với phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ và các quy định hiện hành. Bảo đảm bố trí đủ nguồn kinh phí để thực hiện chính sách; tổ chức chi trả kịp thời cho các đối tượng thụ hưởng, đồng thời bố trí kinh phí cho các đơn vị thực hiện theo nhiệm vụ được giao tại các Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

5.2. Truyền thông dân số

Phổ biến, tuyên truyền, tập huấn Luật Dân số; các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương; các Chương trình, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết, Kết luận của Trung ương; Nghị quyết của HĐND tỉnh, Kế hoạch của UBND tỉnh về công tác dân số.

Phối hợp với các cơ quan báo chí, các sở, ban, ngành đẩy mạnh truyền thông về dân số và phát triển; thường xuyên đăng tải thông tin; xây dựng và phát sóng các chương trình chuyên đề; mở các chuyên trang, chuyên mục; tổ chức giao lưu, tọa đàm; biên soạn, phát hành các ấn phẩm truyền thông như báo, tạp chí, tờ tin, bản tin chuyên đề về công tác dân số.

Tổ chức các hoạt động hưởng ứng 65 năm Ngày truyền thống công tác dân số Việt Nam (26/12); phối hợp với Trung ương triển khai một số hoạt động truyền thông trọng điểm trong năm 2026.

Tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng các sự kiện, ngày kỷ niệm như: Ngày Thalassemia thế giới (08/5); Ngày Dân số Thế giới (11/7); Ngày Quốc tế trẻ em gái (11/10); Ngày Quốc tế xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái (25/11); Ngày Quốc tế Người cao tuổi (01/10); Tháng hành động quốc gia về Dân số (tháng 12) và Ngày Dân số Việt Nam (26/12).

Triển khai truyền thông đa dạng, đồng bộ trên các phương tiện truyền thông đại chúng và nền tảng số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác truyền thông, tăng cường kết nối và lan tỏa thông tin qua các mạng xã hội như Fanpage, Zalo, YouTube, TikTok.

Tăng cường truyền thông, vận động các cặp vợ chồng, cá nhân sinh đủ hai con, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; thích ứng với già hóa dân số; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, góp phần nâng cao chất lượng dân số. Nội dung truyền thông cần phù hợp với từng nhóm đối tượng như người chưa thành niên, thanh niên; người trong độ tuổi sinh đẻ; người cao tuổi; người dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc thiểu

số rất ít người. Duy trì và đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp của đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản khi đến thăm hộ gia đình.

Xây dựng, nhân bản các sản phẩm truyền thông; tổ chức in ấn, lắp đặt pano, poster, khẩu hiệu phục vụ công tác truyền thông tại địa phương. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng truyền thông; cập nhật thông tin về dân số và phát triển cho đội ngũ làm công tác truyền thông, đặc biệt là cộng tác viên dân số và nhân viên y tế thôn bản.

5.3. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

Triển khai và giám sát việc thực hiện các Quyết định ban hành Phiếu giám sát tình hình cung cấp dịch vụ KHHGĐ của Trạm Y tế xã; Quyết định ban hành Phiếu giám sát cộng tác viên dân số về tuyên truyền, tư vấn và cung cấp biện pháp tránh thai tại cộng đồng.

Bổ sung thiết bị, dụng cụ y tế phục vụ thực hiện dịch vụ KHHGĐ; nâng cấp cơ sở vật chất kho bảo quản PTTT và củng cố mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận dịch vụ KHHGĐ, ưu tiên địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới.

Duy trì vận hành ổn định Hệ thống thông tin quản lý hậu cần PTTT (LMIS) phục vụ quản lý, theo dõi và điều phối PTTT kịp thời.

Tăng cường tập huấn kỹ thuật dịch vụ KHHGĐ; tư vấn KHHGĐ và các biện pháp tránh thai; nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ KHHGĐ phi lâm sàng, bảo đảm duy trì mạng lưới cung cấp dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ tại cơ sở.

Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGĐ thường xuyên; triển khai các chiến dịch, khám lưu động tại cộng đồng, chú trọng gói khám phụ khoa, dự phòng vô sinh cho các đối tượng khó tiếp cận, địa bàn trọng điểm; phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGĐ thân thiện cho vị thành niên, thanh niên phù hợp với từng địa bàn.

Triển khai các mô hình nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ KHHGĐ như: hỗ trợ sinh sản; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh tại cộng đồng; dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp giảm phá thai ở vị thành niên, thanh niên.

5.4. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

Tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; lồng ghép nội dung kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh vào hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể.

Thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao hiệu lực thực thi các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi; tăng cường thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thông qua công tác kiểm tra, giám sát.

Nâng cao kiến thức, kỹ năng liên quan đến tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế - dân số và những người cung cấp dịch vụ có liên quan.

Tập trung nguồn lực, tạo chuyển biến rõ nét tại các địa bàn có tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh cao; đẩy mạnh triển khai các chiến dịch truyền thông, thực hiện các chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng nhằm nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

5.5. Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh

Xây dựng hướng dẫn triển khai các hoạt động sàng lọc trước sinh và sơ sinh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các cơ sở y tế sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

Duy trì triển khai kỹ thuật sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại các cơ sở y tế; từng bước mở rộng thực hiện sàng lọc đầy đủ các mặt bệnh thuộc gói dịch vụ cơ bản, gồm sàng lọc trước sinh (04 bệnh) và sàng lọc sơ sinh (05 bệnh) theo Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn, tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT; Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh và các quy định hiện hành.

Duy trì các hoạt động câu lạc bộ tiền hôn nhân tại cộng đồng và trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông.

Tổ chức lồng ghép hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn vào các hoạt động của địa phương.

Triển khai cung cấp dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn thông qua việc đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn; tổ chức cung cấp dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và hỗ trợ các cơ sở trong quá trình cung cấp dịch vụ.

5.6. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng; cung cấp kiến thức, kỹ năng, tư vấn, hướng dẫn người cao tuổi tự chăm sóc sức khỏe; phát triển, duy trì hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và các loại hình câu lạc bộ khác của người cao tuổi; duy trì, phát triển mạng lưới tình nguyện viên tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; lồng ghép nội dung vận động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, tạo môi trường xã hội ủng hộ và tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi với chương trình, dự án về xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác có liên quan.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; triển khai các nội dung thích ứng với già hóa dân số; hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Tổ chức các chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi; lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Xây dựng và phát triển các loại hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà và tại cộng đồng, trung tâm dưỡng lão, cơ sở chăm sóc người cao tuổi theo hình thức phù hợp; từng bước xã hội hóa hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (mạng xã hội, internet,…).

5.7. Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số

Tiếp tục triển khai công tác thu thập, cập nhật thông tin vào sổ A0 và Kho dữ liệu chuyên ngành dân số; tổng hợp, phân tích và lập báo cáo thống kê chuyên ngành dân số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Rà soát, đối chiếu dữ liệu trong Kho dữ liệu chuyên ngành dân số; tăng cường kiểm tra, giám sát, thẩm định thông tin, số liệu chuyên ngành.

Duy trì, vận hành, quản trị, khai thác thông tin, số liệu; từng bước hiện đại hóa Kho dữ liệu chuyên ngành dân số; tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số (MIS) cho cán bộ dân số cấp xã.

Bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật nhằm bảo đảm duy trì, vận hành ổn định Kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

5.8. Thực hiện chính sách khuyến khích

Tiếp tục thực hiện chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số theo Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số.

5.9. Chương trình mục tiêu quốc gia

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 – 2035; giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý, chủ trì thực hiện Chương trình.

6. Công tác kiểm tra, giám sát

Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức giám sát việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm tại các xã, phường; kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW. Ban Chỉ đạo các xã, phường thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình triển khai công tác dân số trên địa bàn.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch gồm: ngân sách địa phương để triển khai các hoạt động đã được phê duyệt tại các chương trình, đề án, kế hoạch, nhiệm vụ được giao; nguồn từ Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 – 2035 và các nguồn huy động hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế (cơ quan thường trực)

Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh triển khai các hoạt động phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể về công tác dân số đến các thành viên Ban Chỉ đạo; tổ chức triển khai Kế hoạch của tỉnh; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động dân số, bảo đảm thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch do Trung ương và tỉnh giao. Hướng dẫn UBND các xã, phường triển khai các kế hoạch, đề án về dân số của tỉnh năm 2026. Định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về công tác dân số.

Tăng cường tuyên truyền về công tác bình đẳng giới; tiếp tục hướng dẫn, triển khai thực hiện các chính sách, chương trình liên quan đến an sinh xã hội thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành; trong đó chú trọng thực hiện các chính sách đối với người cao tuổi và trẻ em.

2. Sở Tài chính: căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được phê duyệt tại Kế hoạch.

3. Sở Nội vụ: phối hợp với Sở Y tế tiếp tục nghiên cứu, sắp xếp tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: đưa nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và bình đẳng giới vào chương trình giảng dạy chính khóa và ngoại khóa tại các trường phổ thông. Tăng cường giáo dục thể chất với các môn thể thao phù hợp, kết hợp chăm sóc dinh dưỡng nhằm phát triển tầm vóc, thể lực cho học sinh.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: tăng cường các hoạt động, hướng dẫn lồng ghép nội dung công tác dân số trong tình hình mới với công tác gia đình; công tác quản lý việc xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước của cộng đồng; các hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Hướng dẫn triển khai các quy định về thực hiện chính sách dân số trong việc bình xét danh hiệu "Gia đình văn hóa" tại khu dân cư.

6. Sở Dân tộc và Tôn giáo: tăng cường công tác tuyên truyền về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Năm 2026 tiếp tục duy trì 02 mô hình điểm[3] về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

---

[3] Tại Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt Mô hình điểm thực hiện "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020" tại xã Nhượng Bạn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn (nay thuộc xã Thống Nhất, tỉnh Lạng Sơn); Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Mô hình điểm thực hiện "Đề án giảm thiểu

7. Thống kê tỉnh: phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan trong việc rà soát, tổng hợp và cung cấp số liệu thống kê về dân số trên địa bàn tỉnh.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tuyên truyền chủ trương, chính sách liên quan đến đời sống dân sinh, dân chủ của người dân trong đó có nội dung chính sách dân số. Đưa nội dung thực hiện chính sách dân số vào chương trình vận động thực hiện "Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Tuyên truyền về mất cân bằng giới tính khi sinh, không kết hôn muộn, không sinh con muộn, sinh đủ 2 con, thực hiện các chương trình sàng lọc trước sinh, sơ sinh nâng cao chất lượng dân số, tập trung tuyên truyền đến các vùng dân cư đặc thù như đồng bào dân tộc, các chức sắc, tôn giáo, người có uy tín trong các dân tộc thiểu số.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch, 3 an" thực hiện tốt chính sách dân số. Nêu cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội nhằm thực hiện bình đẳng giới, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Vận động phụ nữ tham gia các hoạt động về chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS)/KHHGĐ, phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán điều trị một số bệnh, tật trước sinh; các bà mẹ cho trẻ sơ sinh thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ nhỏ.

Vận động thanh niên thực hiện chính sách dân số trong tình hình mới, tham gia tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, trang bị kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên. Tạo phong trào trong thanh niên thường xuyên tập luyện thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý góp phần nâng cao thể lực, tầm vóc.

Tuyên truyền về chính sách dân số trong tình hình mới tới các đoàn viên công đoàn khối cơ quan và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, tập trung tuyên truyền về các nội dung: chính sách dân số, chăm sóc SKSS, KHHGĐ, các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số, khám sức khỏe tiền hôn nhân cho công nhân, thanh niên các khu công nghiệp trên toàn tỉnh.

9. Đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Lạng Sơn

Phối hợp với Sở Y tế tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về công tác dân số của tỉnh, xây dựng phóng sự, đưa tin các hoạt động nổi bật về dân số của tỉnh; bố trí khung giờ phát sóng, duy trì thực hiện chuyên mục "Dân số và phát triển" với các nội dung về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn và giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh…

Đưa các tin, bài phản ánh kịp thời về các hoạt động của công tác dân số trong năm và tuyên truyền về các nội dung chuyên đề trong công tác dân số; các sự kiện nhân kỷ niệm Ngày Dân số Thế giới, Tháng hành động quốc gia về dân

---

tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021- 2025" tại xã Ái Quốc, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn (nay thuộc xã Xuân Dương, tỉnh Lạng Sơn)

số, ngày Dân số Việt Nam 26/12…; biểu dương các gia đình, cá nhân, tập thể thực hiện tốt chính sách dân số….

10. UBND các xã, phường

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo: tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW; Luật Dân số ngày 10/12/2025; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 15/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện công tác dân số trong tình hình mới; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 26/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 247-KH/TU, ngày 23/6/2025 thực hiện Kết luận số 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 09/3/2020 của UBND tỉnh.

Xây dựng Kế hoạch triển khai công tác dân số năm 2026. Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo trong thực hiện các hoạt động công tác dân số tại địa phương.

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện các Đề án, Kế hoạch của tỉnh và đảm bảo kinh phí địa phương cho hoạt động theo chỉ đạo của tỉnh.

UBND tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này, trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Y tế) xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh uỷ; (b/c);
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Thành viên BCĐ tỉnh (số 683/QĐ-UBND ngày 18/3/2025);
- UBND các xã, phường;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX(NCD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Trần Thanh Nhàn